

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG



THIỆT THỰC-HIỆU QUẢ-HÀI HÒA

**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Kinh tế**

Tên tiếng Anh: **Economics**

Mã ngành : **7310101**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

*(Ban hành theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

Đồng Tháp, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo.....	1
2. Thông tin về chương trình đào tạo	1
2.1 Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo.....	1
2.2 Mục tiêu chung của chương trình đào tạo	2
3. Chuẩn đầu vào.....	2
4. Cấp bằng tốt nghiệp	2
PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
1. Mục tiêu cụ thể	2
2. Chuẩn đầu ra	2
2.1. Kiến thức.....	3
2.2. Kỹ năng	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	4
3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	4
PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1. Cấu trúc chương trình đào tạo	5
2. Khung chương trình đào tạo.....	5
3. Mô tả học phần	9
4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học	40
5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	40
6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy	40
7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập.....	41
8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	41
9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo	35
10. Thông tin cập nhật	46

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 614/QĐ-ĐHTG ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về khoa quản lý chương trình đào tạo

Khoa Kinh tế - Xã hội được thành lập vào năm 2005 theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHTG ngày 31/10/2005. Đến năm 2015, Khoa Kinh tế - Xã hội đổi tên thành Khoa Kinh tế - Luật (KTL) theo Quyết định số 615/QĐ-ĐHTG ngày 26 tháng 10 năm 2015.

Khoa KTL có 06 bộ môn (BM): BM Kinh tế, BM Tài chính ngân hàng, BM Quản trị kinh doanh, BM Kế toán, BM Luật và BM Du lịch. Các BM có nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu về các hướng chuyên môn thuộc các lĩnh vực do BM phụ trách.

Chức năng của Khoa KTL được quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 11 của Quyết định số 75/QĐ-ĐHTG ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Tiền Giang như sau:

- Tổ chức đào tạo và quản lý các chương trình đào tạo bậc đại học các ngành đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế, Kế toán, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Du lịch và Luật.

- Tổ chức giảng dạy các HP chung thuộc kiến thức pháp luật đại cương và các HP khối kinh tế, luật của các ngành khác.

- Tổ chức đào tạo và hợp tác đào tạo sau đại học các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực do khoa quản lý khi đủ điều kiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN, hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng.

- Tham gia thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Xây dựng các điều kiện đảm bảo chất lượng giảng dạy khối kiến thức do khoa đảm trách.

2. Thông tin về chương trình đào tạo

2.1 Giới thiệu ngành học và chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: **Đại học Kinh tế**

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: **Kinh tế**

- + Tiếng Anh: **Economics**
- Mã ngành: 7310101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt: **Cử nhân Kinh tế**
- + Tiếng Anh: **Bachelor of Economics**
- Tham khảo đối sánh chương trình đào tạo:
 - + Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế học Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG TP. HCM.
 - + Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế chất lượng cao của trường ĐH Mở TP. HCM.
 - + Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh tế của Trường Đại học Cần Thơ.

2.2 Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức chuyên môn vững vàng, kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, tin học, ngoại ngữ nhằm thực hiện tốt các yêu cầu công việc của chuyên ngành kinh tế; có kỹ năng tốt và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có năng lực tự học, tự chủ để có thể thích nghi, hòa hợp tốt với gia đình, xã hội.

3. Chuẩn đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành theo Quyết định số 235/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

4. Cấp bằng tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định về đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng nhóm ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

PHẦN II: MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu cụ thể

1.1. Kiến thức

PO01: Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, tin học, ngoại ngữ để phục vụ cho học tập, nghiên cứu và cuộc sống.

PO02: Có kiến thức tổng quan, cơ sở ngành và liên ngành kinh tế, có khả năng tổ chức, quản lý và thực thi các hoạt động kinh tế.

PO03: Có kiến thức chuyên sâu và vững vàng trong lĩnh vực kinh tế.

1.2. Kỹ năng

PO04: Kỹ năng nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được

ý nghĩa cuộc sống đề hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội.

PO05: Có năng lực số, kỹ năng suy luận, phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế.

PO06: Kỹ năng vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, các hoạt động kinh tế.

PO07: Kỹ năng giao tiếp, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả.

1.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

PO08: Có năng lực tự học, tự chủ, làm việc nhóm, có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; có khả năng khởi nghiệp.

PO09: Có ý thức trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuẩn mực, trung thực.

PO10: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Có ý thức trách nhiệm cao; Tác phong làm việc chuẩn mực; Phấn đấu học tập rèn luyện để nâng cao năng lực chuyên môn và phẩm chất cá nhân; Nhận biết được giá trị của bản thân để phát huy tiềm năng, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng, xã hội.

1.4. Vị trí nghề nghiệp

- Cán bộ quản lý kinh tế tại: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính sự nghiệp, các chương trình/dự án phát triển kinh tế - xã hội;

- Chuyên viên phân tích và tư vấn kinh tế ở các doanh nghiệp;

- Tự thành lập và điều hành doanh nghiệp;

- Giảng dạy chuyên ngành Kinh tế trong các trường cao đẳng và trung cấp.

1.5. Phát triển nghề nghiệp, học tập nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực tự học, tự nghiên cứu và học lên các chương trình đào tạo sau đại học.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

K01: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, chuyên đổi số, khoa học chính trị và pháp luật để ứng dụng vào cuộc sống cũng như nghề nghiệp.

K02: Vận dụng kiến thức về cơ sở ngành và liên ngành để giải quyết các vấn đề kinh tế, tổ chức quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

K03: Vận dụng kiến thức chuyên sâu của ngành kinh tế để phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, các hoạt động kinh tế.

K04: Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức vận hành và đánh giá quá trình hình thành ý tưởng, thiết kế, hiện thực hoá, vận hành chương trình/dự án.

2.2. Kỹ năng

S01: Xây dựng kỹ năng phản biện, phê phán và giải quyết vấn đề, đánh giá chất lượng công việc.

S02: Có năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, có kỹ năng số bậc 6/8 theo Khung năng lực số cho người học

được quy định bởi Bộ GD&ĐT.

S03: Hình thành kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế.

S04: Xác định kỹ năng cần thiết để có thể lập kế hoạch, và đánh giá các dự án/chính sách kinh tế/hoạt động kinh tế.

S05: Xây dựng kỹ năng dẫn dắt, khả năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

A01: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chủ động tham gia vào quá trình chuyên đổi số một cách có trách nhiệm.

A02: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn về lĩnh vực kinh tế và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

A03: Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn và trách nhiệm với cộng đồng.

3. Ma trận đối sánh mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kỹ năng				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
	K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
PO01	x											
PO02		x										
PO03			x	x								
PO04									x			
PO05	x				x	x	x	x		x		
PO06						x		x				
PO07							x					
PO08										x	x	
PO09										x		x
PO10												x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện chuẩn đầu ra đáp ứng mục tiêu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

1.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ (TC) của chương trình: **160**
- Tổng số TC phải tích lũy tối thiểu : **126**

(Không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh và các học phần điều kiện General English 1, General English 2).

1.2. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu			Tỷ lệ (%)
		Bắt buộc	Tự chọn tối thiểu	Toàn bộ	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36	2	38	30,16
2	Kiến thức cơ sở ngành	27	5	32	25,40
3	Kiến thức ngành	34	6	40	31,74
4	Kiến thức chuyên sâu/Bổ trợ	6	3	9	7,14
5	Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận	0	7	7	5,56
Tổng cộng		103	23	126	100

2. Khung chương trình đào tạo

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh							11	11	
00033	Triết học Mác-Lênin	45					3	3	
01202	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	30					2	2	00033+
02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30					2	2	01202+
03212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30					2	2	02112+
03022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30					2	2	03212+
1.2. Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							10	6	
71012	Pháp luật đại cương	30					2	2	
65012	Lịch sử học thuyết kinh tế	28	4				2	2	
Chọn tự do 1 (tích lũy tối thiểu 2 TC)									
15362	Kỹ năng giao tiếp	15	30				2		
67052	Nghệ thuật lãnh đạo	27	6				2		67003+
73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội học	28	4				2	2	
1.3. Ngoại ngữ									
1.3.1. Học phần điều kiện (*)							6	6*	
08004	General English 1	60					4	4*	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
08012	General English 2	30					2	2*	08004
1.3.2. Học phần tích lũy							12	12	
08024	English1	60					4	4	08012
08034	English 2	60					4	4	08024+
08044	English 3	60					4	4	08034+
1.4. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên							9	9	
08133	Toán cao cấp C	30	30				3	3	
08733D	Xác suất thống kê A	30	30				3	3	
30093	Kỹ năng số	15	0	60			3	3	
1.5. Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng và an ninh (*)									
1.5.1 Giáo dục thể chất							9	3*	
12371	Thể dục và điền kinh			30			1	1*	
Chọn tự do 2 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12391	Bóng chuyền 1			30			1	1*	12371+
12401	Cầu lông 1			30			1		12371+
12271	Đá cầu 1			30			1		12371+
12411	Bóng rổ 1			30			1		12371+
Chọn tự do 3 (tích lũy tối thiểu 1 TC)									
12441	Bóng chuyền 2			30			1	1*	12391+
12481	Cầu lông 2			30			1		12401+
12281	Đá cầu 2			30			1		12271+
12461	Bóng rổ 2			30			1		12411+
1.5.2. Giáo dục quốc phòng và an ninh*							8	8*	
12813	Giáo dục quốc phòng I	45					3	3*	
12922	Giáo dục quốc phòng II	30					2	2*	
12931	Giáo dục quốc phòng III			30			1	1*	
12942	Giáo dục quốc phòng IV			60			2	2*	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục đại cương							42	38	
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1. Cơ sở ngành							40	32	
66013	Kinh tế vi mô 1	40	10				3	3	
66033	Kinh tế vĩ mô 1	40	10				3	3	66013+
66093	Kinh tế lượng	30		30			3	3	08733D+
67003	Quản trị học	42	6				3	3	
68063	Nguyên lý kế toán	42	6				3	3	

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
70013	Marketing căn bản	42	6				3	3	
71073	Luật thương mại	40	10				3	3	71012+
69102	Tài chính doanh nghiệp 1	28	4				2	2	
66082	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế	28	4				2	2	66093+
68782	Nguyên lý thống kê kinh tế	28	4				2	2	
Chọn tự do 4 (tích lũy tối thiểu 5 TC)									
68013	Thuế	42	6				3	5	
69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	27	6				2		
68113	Kế toán quản trị	40	10				3		
68413	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ	42	6				3		68063+
66182	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế	28	4				2		
2.2. Ngành							49	40	
66023	Kinh tế vi mô 2	40	10				3	3	66013+
66053	Kinh tế vĩ mô 2	40	10				3	3	66033+
66073	Kinh tế công	40	10				3	3	
66012	Kinh tế quốc tế	28	4				2	2	
68232	Kinh tế phát triển	28	4				2	2	66033+
66163	Kinh tế và quản lý công nghiệp	42	6				3	3	66013+
66173	Kinh tế tài nguyên môi trường	42	6				3	3	66073+
66203	Phân tích chính sách	40	10				3	3	66053+
69172	Thẩm định dự án đầu tư	27	6				2	2	
66123	Kinh tế lao động	42	6				3	3	66013+
66112	Kinh tế nông nghiệp	28	4				2	2	66013+
66212	Chuyên đề kinh tế học	28	4				2	2	66013+ 66033+
67343	Thương mại điện tử	30		30			3	3	67003+ 70013+
Chọn tự do 5 (tích lũy tối thiểu 6 TC)									
68002	Thống kê doanh nghiệp	28	4				2	6	
68023	Phân tích hoạt động kinh doanh	42	6				3		68063+
69043	Thanh toán quốc tế	42	6				3		

MHP	Tên học phần	Số tiết (giờ)					Số TC		HPTQ/ HPHT+ (MHP)
		LT	TL	TH	TT	ĐA	TS	TLTT	
69112	Thị trường chứng khoán	27	6				2		
69132	Tài chính quốc tế	28	4				2		
66193	Kinh tế số	42	6				3		
2.3. Bổ trợ							12	9	
67393	Khởi nghiệp kinh doanh	42	6				3	3	67003+ 70013+
66233	Quản lý nhà nước về kinh tế	42	6				3	3	66033+
Chọn tự do 6 (tích lũy tối thiểu 3 TC)									
67123	Quản trị nhân lực	42	6				3	3	67003+
67293	Quản trị dự án	42	6				3		67003+
2.4. Chuyên đề cuối khóa/Khóa luận							17	7	
Chọn định hướng (Chọn 1 trong 2 nhóm)									
Nhóm 1 (tích lũy tối thiểu 7 TC)									
66274	Chuyên đề cuối khóa (Kinh tế)				180		4	7	
66243	Dự báo kinh tế - tài chính	42	6				3		
67213	Quản trị chiến lược	42	6				3		
Nhóm 2 (tích lũy tối thiểu 7 TC)									
66267	Khóa luận cuối khóa (Kinh tế)					420	7	7	
Tổng cộng khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							118	88	
Số tín chỉ tổng cộng: 160 TC, số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 126 TC									

Các ký hiệu và viết tắt:

(*) Học phần điều kiện:

- Đối với các học phần điều kiện General English 1, General English 2: người học phải học và đạt để đủ điều kiện tham gia học các học phần của chương trình môn học tiếng Anh không chuyên có trong chương trình đào tạo, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với các học phần điều kiện thuộc khối kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh: người học phải học và đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp, điểm của các học phần điều kiện này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

(**) Khi cần, mã học phần thêm ký hiệu C ở cao đẳng, D ở đại học trong hệ tích hợp thông tin TGUIIS đối với học phần General English 2, phục vụ tổ

chức giảng dạy ở 2 trình độ khác nhau.

- MHP (Mã học phần): Theo Quyết định số 472/QĐ-ĐHTG ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Trường Đại học Tiền Giang ban hành về việc Quy định danh mục mã học phần đang giảng dạy ở Trường Đại học Tiền Giang.

- LT (Lý thuyết): Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết); tính theo tiết.

- TL (Thảo luận): Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TH (Thực hành): Người học nghe, nhìn GV thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn; tính theo tiết.

- TT (Thực tập): Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường; tính theo giờ.

- ĐA (Đồ án): Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo, tính theo giờ. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn.

- TS (Tổng số): Số tín chỉ của học phần, của chương trình.

- TLTT (Tích lũy tối thiểu): Số tín chỉ người học phải tích lũy đủ trong nhóm học phần của từng khối kiến thức, của chương trình.

- HPTQ (Học phần tiên quyết), ký hiệu (MHP)

- HPHT (Học phần học trước), ký hiệu (MHP)⁺

3. Mô tả học phần:

3.1. Triết học Mác-Lênin (00033)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Triết học Mác-Lênin, người học có khả năng giải thích, khái quát hóa được những kiến thức cơ bản của môn khoa học này: chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giải thích và minh họa được vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Thực hiện được một số thao tác cụ thể như: phản biện, xác định và khái quát hóa vấn đề; tái hiện được những thông tin đã tiếp nhận và xử lý được các tình huống trong thuyết trình và giao tiếp đạt hiệu quả. Nhận biết được sự cần thiết thực hiện công việc một cách độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong những điều kiện thay đổi nhằm tối ưu hóa kết quả hoạt động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*

(dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, *Giáo trình Triết học Mác - Lênin* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung, 2010), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2021.

3.2. Kinh tế chính trị Mác-Lê nin (01202)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Triết học Mác-Lênin (00033)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về kinh tế chính trị Mác-Lênin; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, người học hình thành tư duy phản biện, khả năng tiếp cận, chọn lọc và xử lý thông tin và tích cực tham gia các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị)*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin (01202)
- Mô tả :

Sau khi hoàn thành học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, người học có thể trình bày, giải thích và lý giải được những kiến thức cơ bản, cốt lõi về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Qua đó, hình thành ở người học kỹ năng xác định, thực hiện và giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống; củng cố niềm tin về chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta; xác định được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần bảo vệ, xây

dựng đất nước hiện nay.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học (03212)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, người học giải thích và phân tích được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam; có khả năng tư duy, đánh giá vấn đề và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn đời sống, học tập, công tác và rèn luyện bản thân; hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), *Hồ Chí Minh tiểu sử*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, (Bộ 15 tập), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4] Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị.

3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02112)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh (03212)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, người học có khả năng trình bày, giải thích, khái quát hoá và tóm tắt được kiến thức của môn học; có khả năng vận dụng kiến thức để nhận định, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước cũng như đường lối, chính sách của Đảng trong

giai đoạn hiện nay; giữ vững lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên ngành lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1 đến tập 65, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2018.

3.6. Pháp luật đại cương (71012)

- Số tín chỉ: 2 (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học hoàn thành phần Pháp luật đại cương, người học biết được các nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Biết liên hệ thực tiễn và vận dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Minh Toàn, *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[2] Nguyễn Văn Động, Đinh Ngọc Thắng, *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020.

3.7. English 1 (08024)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 1, người học hiểu cách dùng câu điều kiện loại 2 (second conditional), câu chỉ điều ước (I wish ...), thì quá khứ hoàn thành, câu tường thuật, và câu bị động (của thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành và tương lai đơn). Từ đó, sinh viên vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe, nói và phân tích các bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến lễ hội đặc biệt, các địa điểm tham quan du lịch, môi trường, thảm họa tự nhiên, tội phạm và sự xuất bản và rèn luyện kỹ năng viết một bài luận văn, email và một lá thư thông thường.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National

Geographic Learning - 2022).

3.8. English 2 (08034)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: English 1 (08024)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 2, người học hiểu cách dùng thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, động từ nguyên mẫu hoặc động từ tận cùng thêm -ing và mệnh đề quan hệ. Từ đó, người học vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc hiểu tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến quần áo, thời trang và công việc, miêu tả một bức hình, tường thuật một sự kiện và trả lời phỏng vấn xin việc. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng viết một lá thư thân mật, viết đơn xin việc, và tường thuật một sự việc đã xảy ra trong quá khứ.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022).

3.9. English 3 (08044)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: English 2 (08044)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần English 3, người học hiểu cách dùng thì hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn, tương lai hoàn thành và tương lai tiếp diễn. Từ đó, người học vận dụng vào làm các bài tập có liên quan để nắm rõ cách dùng. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển các kỹ năng nghe và phân tích bài đọc tiếng Anh thông qua các chủ đề liên quan đến sức khỏe, thức ăn và dinh dưỡng và nói các chủ đề về tội phạm, kế hoạch và dự định trong tương lai. Người học cũng được rèn luyện kỹ năng viết một thông báo và một email.

- Tài liệu tham khảo chính:

VOICES - A2-B1 - By Emily Bryson & Christien Lee - (National Geographic Learning - 2022).

3.10. Lịch sử học thuyết kinh tế (65012)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này người học sẽ hiểu được hoàn cảnh lịch sử và những nội dung chủ yếu của các học thuyết kinh tế từ thời cổ đại đến thời kỳ hiện đại; Hiểu được sự kế thừa khoa học và sự sáng tạo trong quá trình phát triển các tư tưởng kinh tế trong lịch sử; Đánh giá được thành tựu và hạn chế của

mỗi học thuyết kinh tế; Tư duy khoa học trong việc nhận thức các vấn đề kinh tế trong quá khứ, hiện tại và tương lai; Phân tích và vận dụng được kiến thức của các học thuyết kinh tế và hoạt động của bản thân. Tham mưu được với lãnh đạo doanh nghiệp về những nội dung được vận dụng từ các lý thuyết kinh tế trong lịch sử để xây dựng chiến lược kinh doanh và giải quyết những vấn đề phát sinh trong doanh nghiệp; Có tính trung thực, khoa học, kế thừa có chọn lọc trong công tác và trong cuộc sống; Có thái độ khoa học và sự kế thừa có phê phán trong việc thực hiện nhiệm vụ do lãnh đạo phân công; Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Ngô Thái Hà (CB), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, NXB ĐH Sư Phạm, 2022.

[2] Trần Việt Tiên, *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019.

3.11. Kỹ năng số (30093)

- Số tín chỉ: 3 (15, 0, 60, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kỹ năng số, người học có được kiến thức và kỹ năng để phát triển năng lực số đáp ứng Khung năng lực số cho người học được ban hành tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung chính của học phần Kỹ năng số bao gồm: 1) Khai thác dữ liệu và thông tin: trình bày và sử dụng thành thạo các công cụ số để tìm kiếm, xử lý và quản lý thông tin; 2) Giao tiếp và hợp tác hiệu quả trong môi trường số: giao tiếp và hợp tác hiệu quả qua công nghệ số, tôn trọng sự khác biệt văn hóa và thế hệ, tích cực tham gia các dịch vụ công và xã hội số, đồng thời đảm bảo thông tin cá nhân an toàn, hành vi số phù hợp và xây dựng hình ảnh cá nhân tích cực trên môi trường mạng; 3) Sáng tạo nội dung số cơ bản: tạo và chỉnh sửa nội dung số, kết hợp thông tin mới vào tri thức sẵn có, trình bày được bản quyền số và biết cách đưa ra các hướng dẫn có thể hiểu được cho hệ thống máy tính; 4) An toàn: thực hiện các biện pháp bảo vệ thiết bị, dữ liệu và quyền riêng tư cá nhân, có nhận thức về an ninh mạng; 5) Giải quyết vấn đề trong môi trường số: nhận diện và giải quyết vấn đề trong môi trường số, sử dụng được các công cụ kỹ thuật số để đổi mới quy trình và sản phẩm, đồng thời cập nhật sự phát triển của công nghệ số; 6) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: mô tả các kiến thức cơ bản về AI, khả năng nhận diện và sử dụng, đánh giá các công cụ trí tuệ nhân tạo trong học tập, làm việc và đời sống số một cách hiệu quả và có đạo đức. Học phần kỹ năng số giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng số đáp ứng các nhu cầu chung cho việc học tập, nghiên cứu, bước đầu chuẩn bị tham gia lực lượng lao động.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bài giảng Kỹ năng số, *Nhóm biên soạn Kỹ năng số thuộc khoa Kỹ thuật*

Công nghệ, Trường Đại học Tiền Giang, 2025.

[2] Đỗ Văn Hùng, *Năng lực số*, Nhà xuất bản Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2022.

[3] Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Khung năng lực số cho người học.

[4] Quyết định 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

3.12. Thể dục và Điền kinh (12371)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thể dục Điền kinh, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn Thể dục và Điền kinh; Ý nghĩa tác dụng của môn Thể dục và Điền kinh đối với người tập; 09 động tác của bài tập thể dục tay không; Các kỹ thuật nhảy dây ngắn; Nhảy cao kiểu úp bụng: Chạy đà - Giậm nhảy - Trên không qua xà - Tiếp nệm. Ngoài ra người học còn được rèn luyện các bài tập hỗ trợ và phát triển thể lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Anh Tuấn, *Giáo trình Điền kinh*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2018.

3.13. Bóng chuyền 1 (12391)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyền 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; ý nghĩa tác dụng bóng chuyền đối với người tập; những kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền (đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng), người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng chuyền.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TDTT Hà Nội, 2019.

3.14. Cầu lông 1 (12401)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Cầu lông 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn cầu lông; ý nghĩa tác dụng cầu lông đối với người tập; những kỹ thuật cầu lông cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản

về luật cầu lông.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội, 2019.

3.15. Đá cầu 1 (12271)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển học phần Đá cầu 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn đá cầu; ý nghĩa tác dụng của môn đá cầu đối với người tập; kỹ thuật phát cầu; kỹ thuật tâng cầu; kỹ thuật đỡ cầu; người học được rèn luyện kỹ thuật chuyên cầu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021.

3.16. Bóng rổ 1 (12411)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Thể dục và Điền kinh (12371)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 1, người học hiểu biết khái quát về sự ra đời và phát triển môn bóng rổ 1; ý nghĩa tác dụng bóng rổ đối với người tập; những kỹ thuật bóng rổ 1 cơ bản; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật bóng rổ 1.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TDTT, Hà Nội, 2020.

3.17. Bóng chuyên 2 (12441)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Bóng chuyên 1 (12391)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng chuyên 2, người học hiểu một số kiến thức cơ bản như: nắm vững luật bóng chuyên, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; củng cố các kỹ năng cơ bản; chuyên bóng cao tay, chuyên bóng thấp tay bằng hai tay, phát bóng, đập bóng, phối hợp nhóm. Từ đó rèn luyện cho người học có thể sử dụng môn bóng chuyên làm phương tiện tập luyện nhằm nâng cao sức khỏe lâu dài.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Việt Hòa, *Giáo trình Bóng chuyền*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2019.

3.18. Cầu lông 2 (12481)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Cầu lông 1 (12401)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Cầu lông 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong cầu lông; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật cầu lông cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học được rèn luyện các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Cầu lông*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2019.

3.19. Đá cầu 2 (12281)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Đá cầu 1 (12271)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Đá cầu 2, người học hiểu biết khái quát về các nguyên lý kỹ thuật trong đá cầu; một số chiến thuật cơ bản; những kỹ thuật đá cầu cơ bản và nâng cao; các bài tập phát triển thể lực chuyên môn; người học rèn luyện được các kiến thức cơ bản về luật, trọng tài và phương pháp tổ chức thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Đào Thị Hoa Huỳnh, *Giáo trình Đá cầu*, NXB ĐH Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2021

3.20. Bóng rổ 2 (12461)

- Số tín chỉ: 1 TC (0, 0, 30, 0, 0)
- Học phần học trước: Bóng rổ 1 (12411)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Bóng rổ 2, người học hiểu biết khái niệm môn bóng rổ 2; ý nghĩa tác dụng đối với người tập và luyện tập thi đấu nâng cao; những kỹ thuật bóng rổ 2 cơ bản và nâng cao; người học rèn luyện các kiến thức cơ bản áp dụng về luật bóng rổ vào thi đấu.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Văn Đức, *Giáo trình Bóng rổ*, NXB TĐTT, Hà Nội, 2020.

3.21. Chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh (165 tiết)

a) Giáo dục quốc phòng I (12813)

- Số tín chỉ: 3 TC (45, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng I, người học được trang bị kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; thực hiện tốt đường lối, chính sách Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

b) Giáo dục quốc phòng II (12922)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng II, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay như Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; vấn đề an toàn thông tin và phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

c) Giáo dục quốc phòng III (12931)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 30, 0, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng III, người học thực hiện được chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại trong quân đội; thực hiện được Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

d) Giáo dục quốc phòng IV (12942)

- Số tín chỉ: 3 TC (0, 0, 0, 60, 0)

- Mô tả học phần:

Sau khi hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng IV, người học có được kiến thức chung về kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- Tài liệu tham khảo chính:

Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình Giáo dục Quốc phòng và An ninh*. (Dùng cho người học các trường cao đẳng, đại học), tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

3.22. Toán cao cấp C (08133)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Toán cao cấp C, người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về phép tính vi/tích phân hàm số một biến số, phép tính vi phân hàm số nhiều biến số, ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính.

- Tài liệu tham khảo chính:

Nguyễn Đình Trí, *Giáo trình Toán học cao cấp, tập 1, tập 2*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

- Sách, tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 1-Đại số và hình học giải tích*, NXB Giáo dục, 2006.

[2] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 2-Phép tính giải tích một biến số*, NXB Giáo dục, 2021.

[3] Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh, Nguyễn Hồ Quỳnh, *Toán học cao cấp, tập 3-Phép tính giải tích nhiều biến số*, NXB Giáo dục, 2023.

3.23. Xác suất thống kê A (08733D)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 30, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Toán cao cấp C (08133)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Xác suất thống kê A, người học hiểu và vận

dụng được các kiến thức về: xác suất và công thức tính xác suất của một sự kiện; phân phối xác suất, hàm phân phối xác suất, các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; lấy mẫu và xử lý mẫu; ước lượng các đặc trưng số của đại lượng ngẫu nhiên; kiểm định giả thuyết thống kê; tương quan và hồi quy.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tổng Đình Quỳ, *Giáo trình xác suất thống kê*, NXB Bách Khoa Hà Nội, 2014.

[2] Lê Khánh Luận, Nguyễn Thanh Sơn, *Giáo trình lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Thống Kê, 2007.

[3] Nguyễn Tiên Dũng, Nguyễn Đình Huy, *Xác suất-Thống kê và phân tích số liệu*, NXB ĐH Quốc Gia TP. HCM, 2020.

3.24. Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần này giới thiệu và phân tích các quy luật chi phối hành vi ứng xử của các thành viên tham gia thị trường. Từ đó rút ra các nguyên tắc cơ bản để các thành viên này có thể đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu. Các kiến thức này giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này. Bên cạnh đó, người học có thể xây dựng được kỹ năng phản biện, phê phán và thực hiện đề xuất giải pháp các vấn đề kinh tế; thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi; có ý thức trách nhiệm đối với cá nhân và nhóm, tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Bảo Lâm (Chủ biên), *Kinh tế vi mô*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2023.

[2] N. Gregory Mankiw, *Kinh tế học vi mô (Principles of Microeconomics)*, NXB Hồng Đức, 2023.

3.25. Kinh tế vĩ mô 1 (66033)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế vĩ mô 1, người học hiểu được các vấn đề và các hoạt động của nền kinh tế vĩ mô, cũng như mối liên hệ giữa chúng thông qua lý thuyết và mô hình kinh tế, đánh giá được tình hình hoạt động của nền kinh tế dựa vào các chỉ số kinh tế vĩ mô như sản lượng, việc làm, giá cả, lạm phát, thất nghiệp, ... Từ đó giúp người học có nền tảng vững chắc cho phân tích các chính sách kinh tế và tác động của nó đến nền kinh tế cũng như doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học có thể tổng hợp và phân tích các thông tin kinh tế và thực hiện đề xuất giải pháp cho vấn đề kinh tế, bảo vệ được quan điểm cá

nhân, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình và thuyết phục; người học có thể thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, có tinh thần trách nhiệm cao với nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, *Kinh tế vĩ mô*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

[2] Gregory N. Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Hồng Đức, 2023.

3.26. Nguyên lý thống kê kinh tế (68782)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học nắm rõ những vấn đề sau: tổng hợp thống kê, các chỉ tiêu phản ánh mức độ của hiện tượng kinh tế-xã hội, phương pháp phân tích dãy số thời gian và kiểm định thống kê trong kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Thanh Hương, Nguyễn Kim Dung, *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB Lao động, 2020.

[2] Hoàng Khắc Lịch (Chủ biên), *Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế*, NXB ĐH QG Hà Nội, 2020.

3.27. Kinh tế lượng (66093)

- Số tín chỉ: 3 TC (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Xác suất thống kê A (08733D)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kinh tế lượng, người học biết được những kiến thức cơ bản về ước lượng, phân tích mô hình, kiểm định giả thuyết về các mối quan hệ kinh tế, sử dụng biến giả, một số khuyết tật của mô hình hồi qui đơn giản. Vận dụng kiến thức đã học để tính toán một số mô hình đơn giản, thiết lập được mô hình phù hợp với thực tế. Sử dụng mô hình để phân tích, dự báo và hoạch định chính sách. Song song đó, hình thành thái độ tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng hay đánh giá các giả thuyết khoa học.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Duy Phú, *Giáo trình Kinh tế lượng (Dùng cho SV các trường ĐH, CĐ Khối ngành Kinh tế)*, NXB Giáo dục, 2020.

[2] Hoàng Ngọc Nhậm, *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB LĐ-XH, 2019.

3.28. Kinh tế phát triển (68232)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1 (66033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết và phân biệt được sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, những hiểu biết về các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế, phát triển kinh tế hiện đại - các nước phát triển và đang phát triển và các nguồn lực phát triển. Qua đó, người học có thể phân tích được tác động của các chính sách đến quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế; người học xây dựng được kỹ năng phản biện, phê phán, tổng hợp và phân tích các thông tin kinh tế, từ đó có thể đề xuất các giải pháp; người học thực hiện được công việc độc lập và làm việc nhóm với tinh thần trách nhiệm cao.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Trọng Hoài, *Kinh tế phát triển*, NXB Kinh tế TP.HCM, 2020.

[2] Đinh Phi Hồ, Nguyễn Văn Phương, *Giáo trình Kinh tế phát triển - Căn bản và nâng cao*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2022.

[3] Phan Minh Tuấn, *Kinh tế phát triển*, NXB Xây dựng, 2022.

3.29. Quản trị học (67003)

- Số tín chỉ: (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học thông hiểu những khái niệm chung về quản trị, nhiệm vụ của nhà quản trị và các chức năng chính về quản trị như: hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát các hoạt động đã đề ra nhằm đạt được mục tiêu chung của tổ chức; Phân tích, phát hiện, đưa ra quyết định và giải quyết những vấn đề cơ bản liên quan đến các chức năng quản trị; Có khả năng làm việc với người khác thông qua việc chia sẻ kiến thức về quản trị đại cương; Khách quan trong việc ra quyết định và thực hiện nhiệm vụ quản trị.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh, *Quản trị học*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Trịnh Thùy Anh, Bùi Thị Quỳnh Ngọc, Lê Khoa Nguyên, *Quản trị học*, NXB Thông tin và Truyền thông, 2022.

3.30. Luật thương mại (71073)

- Số tín chỉ: 3 ((40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Pháp luật đại cương (71012)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Luật Thương mại, người học biết được kiến thức cơ bản về Luật Thương mại, vai trò của Luật Thương mại trong nền kinh tế thị trường; địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; giải thể và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống liên quan lĩnh vực thương mại; tư vấn cho nhà đầu tư lựa chọn được loại doanh nghiệp phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, *Giáo trình Pháp luật về chủ thể kinh doanh (tái bản lần thứ sáu, có sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức, 2025.

[2] Quốc Hội (2020), *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14* ngày 17/6/2020.

3.31. Nguyên lý kế toán (68063)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Nguyên lý kế toán, người học biết được các nội dung cơ bản về kế toán; Lập báo cáo kế toán; Sử dụng tài khoản kế toán; Ghi sổ kép; Tính giá các đối tượng kế toán và lập chứng từ kế toán; Kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu; Kiểm kê; Các hình thức sổ kế toán, tổ chức công tác kế toán và kiểm tra kế toán; Áp dụng được các quy định pháp lý trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Khoa kế toán, Bộ môn nguyên lý kế toán, *Tài liệu học tập Nguyên lý kế toán- Principles of Accounting*, NXB Kinh tế TP. HCM, Quý 1/2019.

[2] Bộ tài chính, Thông tư số 200/2014/TT/BCT *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, 2014.

[3] Bộ tài chính, *Chuẩn mực kế toán số 1 - Chuẩn mực chung (Ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC)*, 2002.

3.32. Tài chính doanh nghiệp 1 (69102)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những nội dung về quản lý tài chính trong doanh nghiệp: Thời giá tiền tệ, định giá chứng khoán, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp, chi phí sử dụng vốn; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện giải quyết các vấn đề nghiệp vụ chuyên môn của ngành trong phân tích, thẩm định và ra quyết định tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Hữu Phước (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp 1*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Nguyễn Kim Thoa, *Tài liệu giảng dạy Tài chính doanh nghiệp 1*, Trường ĐH Tiền Giang, 2025.

[3] Stephen Ross, *Tài Chính Doanh Nghiệp - Corporate Finance*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2019.

3.33. Phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế (66082)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế lượng (66093)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần phương pháp định lượng trong nghiên cứu kinh tế, người học biết xác định quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học; Lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp; biết các phương pháp thu thập số liệu và Thiết kế bảng câu hỏi tổ chức thu thập số liệu; Vận dụng lý thuyết để xác định vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, tổng quan và lược khảo tài liệu. Lựa chọn và đề xuất phương pháp nghiên cứu cho vấn đề nghiên cứu đã chọn. Rèn luyện kỹ năng viết, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; Có khả năng tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng, dự báo kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đinh Phi Hồ, *Phương pháp định lượng trong nghiên cứu quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế*, NXB Tài chính, năm 2020.

[2] Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên), *Vận dụng PPNC định lượng và định tính trong nghiên cứu: Từ hình thành ý tưởng đến phát triển khoa học*, NXB KH-XH, 2022.

3.34. Marketing căn bản (70013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được mục tiêu và vai trò của marketing; môi trường marketing; Hiểu được hành vi khách hàng; cách phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm; Chiến lược Marketing Mix. Có khả năng phân tích môi trường marketing của một doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng; Phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm cho một sản phẩm; Chiến lược marketing mix. Người học tư duy và giải quyết các tình huống marketing liên quan đến các doanh nghiệp; Nghiêm túc, chủ động vận dụng kiến thức của học phần trong việc đánh giá hoạt động marketing của doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hoàng Thị Phương Thảo (Chủ biên), *Marketing căn bản*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2024.

[2] Vũ Huy Thông, Phạm Thị Huyền, *Marketing căn bản*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2025.

3.35. Lý thuyết tài chính - tiền tệ (69002)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ, người học biết

được các kiến thức lý luận cần thiết về tài chính, hệ thống tài chính, tiền tệ, hoạt động của hệ thống ngân hàng, tài chính công, tài chính doanh nghiệp, lạm phát, các công cụ chính sách tiền tệ, ... ; Có khả năng tư duy và giải quyết các tình huống về lĩnh vực tài chính-tiền tệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Ngọc, *Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB ĐH Kinh Tế Quốc Dân, Hà Nội, 2021.

[2] Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Kim Thoa, *TLGD Nhập môn tài chính tiền tệ*, ĐHTG, 2025.

[3] Đặng Thị Việt Đức (chủ biên), *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB thông tin và truyền thông, 2022.

[4] Frederic S. Mishkin, *Sách Kinh Tế Học Về Tiền, Ngân Hàng Và Thị Trường Tài Chính*, NXB Tài Chính, 2021.

3.36. Thuế (68013)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Thuế, người học biết được những nội dung cơ bản về thuế và các chính sách thuế của Nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Đề xuất giải pháp; Xây dựng và phát triển kỹ năng trình bày, thuyết trình và đàm phán; Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; Có trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Lê Quang Cường và Nguyễn Kim Quyên. *Giáo trình Thuế*. NXB Kinh tế TP. HCM, TP. HCM, 2023.

[2] Nguyễn Kim Quyên (chủ biên). *Bài tập Thuế*. NXB Kinh tế TP. HCM, TP. HCM, 2022.

3.37. Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (68413)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (68063)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, người học biết được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ; Kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải thu - phải trả; Kế toán vốn chủ sở hữu; Kế toán quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Xây dựng tinh thần trách nhiệm cao,

cẩn thận, tỉ mỉ. Thực hiện công việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)*, NXB Lao động, 2016.

[2] Bộ Tài chính, *Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và sắp xếp tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (Ban hành theo Thông tư số 46/2025/TT-BTC ngày 20/6/2025 của Bộ Tài chính)*, NXB Tài chính, 2025.

3.38. Kế toán quản trị (68113)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Kế toán quản trị, người học biết được những nội dung cơ bản về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí; Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận (C-V-P); Lập dự toán ngân sách; Phân tích biến động chi phí; Đánh giá trách nhiệm quản lý; Định giá bán sản phẩm; Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định. Xác định và khái quát hóa vấn đề; Tổng hợp, phân tích được các thông tin có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn; Đề xuất giải pháp; Xác định mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ của hệ thống kế toán; Xử lý công việc linh hoạt, nhạy bén; Phân tích, xem xét vấn đề với cách nhìn tổng thể. Có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Huỳnh Lợi, *Kế Toán Quản Trị*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

[2] Huỳnh Lợi, Lê Hoàng Oanh. *Kế toán quản trị 1*. NXB Kinh tế TP. HCM, 2021.

[3] Huỳnh Lợi, Lê Hoàng Oanh. *Kế toán quản trị 2*. NXB Kinh tế TP. HCM, 2021.

3.39. Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế (66182)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có các kiến thức và phát triển kỹ năng đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế, các vấn đề cơ bản như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, cung-cầu, lạm phát, thất nghiệp, kinh tế quốc tế, ... Qua đó, người học có thể đọc và hiểu tiếng Anh chuyên ngành kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

Hoàng Thị Kim Liên, Phạm Thị Lệ Hoa, *Giáo trình Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế*, Trường ĐH Sư phạm Kỹ Thuật Nam Định.

3.40. Nghệ thuật lãnh đạo (67052)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần này, người học hiểu được khái niệm, vai trò và hiệu quả của lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, phân tích được mối quan hệ giữa chúng; Phân tích được phẩm chất, kỹ năng lãnh đạo và phong cách lãnh đạo, thuyết lãnh đạo theo tình huống, sự lãnh đạo mới về chất và lãnh đạo ra quyết định nhóm; Hình thành được phẩm chất và kỹ năng của người lãnh đạo; Ứng dụng các kiến thức về chiến lược ảnh hưởng, phong cách lãnh đạo, lãnh đạo theo tình huống, sự lãnh đạo mới về chất và lãnh đạo ra quyết định nhóm trong tình huống cụ thể; Kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán. Phát triển năng lực tư duy và giải quyết các tình huống liên quan đến nghệ thuật lãnh đạo.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Hùng và các tác giả, *Nghệ thuật lãnh đạo*, NXB Tài Chính, 2021.

[2] David M Rubenstein (Thúy Hằng, Anh Thư dịch), *Nghệ thuật lãnh đạo - Chân dung những CEO, Nhà sáng lập và những người thay đổi cuộc chơi vĩ đại nhất thế giới*, NXB Dân Trí, 2021.

3.41. Kinh tế vi mô 2 (66023)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Mô tả:

Học phần này là sự tiếp nối của môn Kinh tế học vi mô giai đoạn đại cương, tuy nhiên nhấn mạnh vào tính ứng dụng của các lý thuyết kinh tế. Các vấn đề lý thuyết về sản xuất và tiêu dùng có thể được vận dụng trong việc ra quyết định kinh tế là một nội dung quan trọng của môn học. Vận dụng được lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng để ra giải thích các hiện tượng kinh tế và ra quyết định trong các tình huống có liên quan; Xác định và khái quát hóa vấn đề, có khả năng liên hệ được với thực tế nền kinh tế Việt Nam về các nội dung: mô hình nền kinh tế, các cấu trúc thị trường trong nền kinh tế. Tổng hợp và phân tích các thông tin có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Vận dụng được những quy luật kinh tế trong thực tế tiêu dùng và sản xuất kinh doanh. Phân tích được cơ chế hình thành giá cả trên thị trường, nguyên nhân và hậu quả của sự biến động giá trên thị trường.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Hồng Nga, *Giáo trình Kinh tế vi mô nâng cao*. NXB ĐHQG TP. HCM, 2021.

[2] Gregory N. Mankiw, *Kinh tế học vi mô*, NXB Hồng Đức, 2024.

3.42. Kinh tế vĩ mô 2 (66053)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1 (66033)
- Mô tả:

Kinh tế vĩ mô nghiên cứu nền kinh tế một cách tổng thể và do vậy các biến số gộp bình quân đóng vai trò quan trọng trong phân tích. Trong học phần này, chúng ta sẽ làm rõ các nhân tố ảnh hưởng cũng như mối quan hệ giữa các biến số gộp và bình quân như sản lượng, chỉ số giá, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ giá hối đoái, lãi suất thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô. Để cho môn học phù hợp với tình hình kinh tế sau khủng hoảng, gắn liền với các mô hình lý thuyết, một số nội dung được cân nhắc để đưa vào chương trình như nhấn mạnh vai trò của thị trường tài chính, trong đó nhấn mạnh các khía cạnh về bong bóng giá tài sản, chứng khoán hoá, đòn bẩy tài chính, nguyên nhân và tác động của khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng tài chính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] N. Gregory Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Hồng Đức, 2024.

[2] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, *Kinh tế vĩ mô*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2023.

3.43. Kinh tế quốc tế (66012)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ thông hiểu những kiến thức cơ bản về vấn đề kinh tế quốc tế; Phân tích được những đặc điểm cơ bản và tình hình thuận lợi, khó khăn khi Việt Nam tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới; Hiểu và tính toán được tỷ giá hối đoái; Vận dụng tốt kiến thức đã học về kinh tế quốc tế, giúp doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, có xu hướng phù hợp với kinh tế khu vực và quốc tế, để đáp ứng tốt yêu cầu của đất nước đặt ra; Có khả năng đánh giá hoạt động kinh tế trong lĩnh vực xuất nhập khẩu; Nghiêm túc, tích cực học tập và biết được kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế và việc ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Đức Bình & Ngô Thị Tuyết Mai, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019.

[2]. Hoàng Thị Chinh, *Kinh tế quốc tế*, NXB Thống kê, 2020.

3.44. Kinh tế công (66073)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)
- Học phần học trước:
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những kiến thức cơ

bản về khu vực công và chính phủ; tiêu chuẩn về hiệu quả và hoàn thiện Pareto. Phân tích được các tổn thất phúc lợi xã hội do thất bại thị trường gây ra. Phân tích, giải thích được một số chính sách công dựa trên phương pháp phân tích lợi ích, chi phí. Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, đánh giá hay giải thích được sự phù hợp của các chính sách can thiệp của chính phủ cũng như những tác động của chính sách trong nền kinh tế. Qua đó, hình thành thái độ tích cực học tập, khách quan khi phân tích, đánh giá hay giải thích những vấn đề có liên quan đến các chính sách của chính phủ trong thực tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Bùi Đại Dũng, Ngô Minh Nam, *Giáo trình Kinh tế công cộng*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2018.

[2] Võ Thị Thủy Vãn (Chủ biên), *Kinh tế công (Sách chuyên khảo)*, NXB Dân Trí, 2025.

3.45. Kinh tế và quản lý công nghiệp (66163)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có khả năng ứng dụng tổng quát các kiến thức cơ bản về quản lý công nghiệp trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Có kiến thức về các lĩnh vực liên quan đến quản lý công nghiệp và kinh tế số trong công nghiệp. Phát triển năng lực khám phá tri thức, giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh, tư duy hệ thống, có tầm nhìn, hình thành phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp. Có khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề về sản xuất kinh doanh. Từ đó giúp người học có kiến thức vững chắc khi phân tích các vấn đề kinh tế cũng như rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và bảo vệ quan điểm cá nhân.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Đình Phan và Nguyễn Kế Tuấn, *Giáo trình Kinh tế và quản lý công nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] Phạm Thị Mai Yên (chủ biên), *Giáo trình Quản trị doanh nghiệp công nghiệp*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2022.

- Sách tham khảo:

[1] Phạm Thuyên, *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2019.

[2] Lại Trần Tùng, *Phát triển công nghiệp công nghệ cao-Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021.

3.46. Kinh tế tài nguyên và môi trường (66173)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kinh tế công (66073)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ biết được mối liên hệ giữa hoạt động kinh tế, các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên; Hiểu được các công cụ quản lý có thể được áp dụng để quản lý môi trường; các phương pháp đánh giá giá trị môi trường được áp dụng như thế nào trên thực tế; Người học có khả năng phân tích, đánh giá các công cụ chính sách trong quản lý môi trường hiện nay; Biết cách giải quyết các vấn đề môi trường và tài nguyên thông qua các công cụ kinh tế và cải cách vấn đề quyền sở hữu, cải cách chính sách; Vận dụng để nghiên cứu những vấn đề thực tế về môi trường tại địa phương hoặc trên lãnh thổ Việt Nam; Người học hiểu được tầm quan trọng của môn học, tích cực học tập, khơi dậy niềm đam mê với nghiên cứu các vấn đề môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Song, Vũ Thị Phương Thụy, *Giáo trình Kinh tế tài nguyên môi trường*, NXB Hà Nội, 2020.

[2] Lê Thu Hoa, Nguyễn Thế Chinh, *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, ĐH Kinh tế Quốc dân, 2023.

3.47. Thẩm định dự án đầu tư (69172)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những nội dung về các yếu tố cấu thành của một dự án, quy trình thực hiện phân tích một dự án đầu tư, phân tích và thẩm định tài chính của dự án, cách xây dựng ngân lưu của dự án, cách sử dụng phần mềm excel để lập các phân tích, thẩm định hiệu quả tài chính một dự án; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện đánh giá hiệu quả dự án nhằm hỗ trợ việc phân tích, ra quyết định tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đỗ Phú Trần Tình (chủ biên), *Giáo trình lập và thẩm định dự án đầu tư*, NXB tài chính, TP.HCM, 2024

[2] Quốc hội (2020). *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.*

[3] Quốc hội (2020). *Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.*

3.48. Phân tích chính sách (66203)

- Số tín chỉ: 3 TC (40, 10, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 2 (66053)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học biết được những khái niệm, những nguyên tắc, cũng như quy trình xây dựng và hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã - hội. Vận dụng kiến thức của môn học để phân tích các chính sách kinh tế - xã hội nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý, hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổng hợp, phân tích và đánh giá được những chính sách kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay. Tham gia hoạch định cũng như tổ chức thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội. Qua đó, hình thành thái độ tích cực, nghiêm túc học tập, có trách nhiệm, khách quan khi phân tích, đánh giá hay giải thích những vấn đề có liên quan đến các chính sách kinh tế - xã hội trong thực tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Văn Dũng, *Giáo trình Phân tích Chính sách kinh tế - xã hội*, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2018.

[2] Nguyễn Văn Phúc, *Phân tích và đánh giá chính sách*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020.

- Sách tham khảo:

[1] Cao Quốc Hoàng, Nguyễn Thị Lan Phương, Thái Thanh Quý, Nguyễn Đỗ Kiên, *Phân tích và đánh giá chính sách công - Lý thuyết và thực tiễn*, NXB Tư Pháp, 2023.

3.49. Chuyên đề kinh tế học (66212)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013) và Kinh tế vĩ mô 1 (66033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến những vấn đề thuộc tầm kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế quốc tế; Phân tích được ảnh hưởng của các chính sách của chính phủ, tác động của ngoại tác, đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tăng trưởng kinh tế. Qua đó, người học có được kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và bảo vệ quan điểm cá nhân, có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và tinh thần trách nhiệm đối với nhóm.

3.50. Thương mại điện tử (67343)

- Số tín chỉ: 3 (30, 0, 30, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003), Marketing căn bản (70013).

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học hiểu các kiến thức tổng quan về thương mại điện tử; phân biệt được các mô hình kinh doanh trực tuyến điển hình; hiểu được thị trường trực tuyến, hành vi khách hàng trực tuyến và các giải pháp marketing trực tuyến; hiểu và sử dụng hợp lý các phương tiện, phương thức thanh toán trực tuyến; tóm tắt quy trình xây dựng dự án thương mại điện

từ, lựa chọn phương án và triển khai dự án thương mại điện tử. Người học phát triển kỹ năng thực hành liên quan đến các hoạt động thương mại điện tử: thiết lập, sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán trực tuyến, cửa hàng kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử, tài khoản quảng cáo trực tuyến, nghiên cứu thị trường trực tuyến; hình thành kỹ năng thiết kế, xây dựng và quản lý trang web kinh doanh trực tuyến; phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc độc lập và làm việc nhóm qua các dự án kinh doanh trực tuyến thực tế hoặc mô phỏng. Bên cạnh đó, người học có tinh thần làm việc nghiêm túc, tuân thủ các quy tắc an ninh, an toàn mạng khi tham gia kinh doanh trực tuyến; chủ động, sáng tạo thực hiện dự án khởi nghiệp kinh doanh trong môi trường phát triển công nghệ.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Việt Khôi, *Giáo trình thương mại điện tử từ lý thuyết đến ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020.

[2] Nguyễn Văn Hồng (Chủ biên), *Giáo trình Thương mại điện tử căn bản*, NXB Hồng Đức, 2021.

3.51. Kinh tế lao động (66123)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có được những kiến thức về việc xem xét cách thức tổ chức, vận hành và kết quả của thị trường lao động, các quyết định của các chủ thể tham gia trên thị trường lao động không chỉ trong hiện tại mà còn ở tương lai và các chính sách công liên quan đến khía cạnh lao động và việc làm. Qua đó, giúp người học rèn luyện khả năng tư duy hệ thống và kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh khi nghiên cứu về nguồn nhân lực.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Xuân Cầu, *Giáo trình kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019.

[2] Tạ Đức Khánh, *Giáo trình Kinh tế lao động*, NXB Giáo dục VN, 2019.

3.52. Kinh tế nông nghiệp (66112)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô 1 (66013)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học có được kiến thức về kinh tế trong nông nghiệp, gắn liền trong bối cảnh và chủ thể của các hoạt động kinh tế nông nghiệp và gắn với chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân (tam nông) ở Việt Nam, và xu hướng chuyển đổi số trong nông nghiệp. Sinh viên đạt được những kiến thức về kinh tế để giải quyết các vấn đề phát sinh

trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn. Xác định và khái quát hóa vấn đề. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên đạt được những phương pháp luận, vận dụng tốt kiến thức đã học về kinh tế để giải quyết các vấn đề trong nông nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Phạm Văn Khôi, Hoàng Mạnh Hùng, *Giáo trình kinh tế nông nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân, năm 2020.

[2] Trần Quốc Khánh, Nguyễn Hà Hưng, *Giáo trình Quản trị kinh doanh nông nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2023.

3.53. Phân tích hoạt động kinh doanh (68023)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những nội dung cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích tình hình sản xuất của doanh nghiệp; Vận dụng kiến thức và kỹ năng để thực hiện thu thập, xử lý thông tin, phân tích kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp trong giai đoạn cụ thể.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đặng Thị Mỹ Dung, *TLGD Phân tích hoạt động kinh doanh*, ĐHTG, 2025.

[2] Lê Thị Xuân, *Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động, 2023.

[3] Leonida Meizler, *Business Analyst*, NXB Independently Published, 2021.

3.54. Thống kê doanh nghiệp (68002)

- Số tín chỉ: 2 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học có được những kiến thức thống kê về kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các chỉ tiêu phản ánh nguồn lực huy động vào sản xuất kinh doanh; phương pháp tính toán và phân tích thống kê đánh giá kết quả, hiệu quả quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đánh giá sự biến động về giá thành sản phẩm. Các kiến thức này giúp người học có nền tảng vững chắc cho các phân tích kinh tế và hình thành tư duy kinh tế trong suốt quá trình học tập và công việc sau này.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Võ Thị Phương Nhung, Nguyễn Thị Mai Hương, Võ Thị Hải Hiền, Phạm Thị Trà My, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB Tài chính, 2022.

[2] Nguyễn Công Nhự, *Giáo trình Thống kê doanh nghiệp*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2020.

- Tài liệu tham khảo:

Phan Thị Thanh Thúy, *Tập bài giảng Thống kê Doanh nghiệp*, Trường Đại học Tiền Giang (Lưu hành nội bộ), 2023.

3.55. Quản trị nhân lực (67123)

- Số tín chỉ: 3 (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần này, người học giải thích và sử dụng được lý thuyết về các hoạt động quản trị nhân lực cơ bản như phân tích công việc, hoạch định nhân lực, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, đánh giá nhân viên, trả công lao động và quan hệ lao động trong tổ chức; Giải thích được ba chức năng thu hút, duy trì và sử dụng, đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức; Phân tích và ứng dụng lý thuyết quản trị nhân lực vào thực tế hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức để suy luận, phân tích và giải quyết vấn đề mang tính lý thuyết, học thuật liên quan đến hoạt động quản trị nguồn nhân lực; Hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra các chức năng quản trị nguồn nhân lực; Trình bày, giao tiếp trong việc thực hiện công việc; Làm việc, tổ chức, điều hành và lãnh đạo nhóm. Người học có đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, tự chịu trách nhiệm về công việc trước tổ chức và pháp luật; Có năng lực làm việc độc lập và giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến công tác quản trị nguồn nhân lực; Điều khiển và kiểm tra người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Đánh giá và điều chỉnh chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Kim Dung & Trần Trọng Thủy, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Tài Chính, 2023.

[2] Tạ Thị Hồng Hạnh & Vũ Việt Hằng, *Quản trị nhân lực*, NXB ĐH Mở TP. HCM, 2022.

3.56. Thanh toán quốc tế (69043)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được các nội dung về đặc điểm và các điều kiện trong thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái, các giao dịch hối đoái, các phương tiện và các phương thức thanh toán quốc tế; Vận dụng kiến thức trên để thực hiện nghiệp vụ chuyên môn liên quan về hoạt động thanh toán quốc tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Hà Văn Hội, *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2022.

[2] Đặng Thị Mỹ Dung, Nguyễn Anh Tuấn, *TLGD Thanh toán quốc tế*, ĐHTG, 2025.

[3] Sang Man Kim, *Payment Methods and Finance for International Trade*, NXB Springer, 2021.

3.57. Thị trường chứng khoán (69112)

- Số tín chỉ: 2 TC (27, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả: Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những nội dung về thị trường tài chính, chứng khoán và cách định giá các chứng khoán, cơ chế hoạt động của sở giao dịch, các nghiệp vụ chủ yếu của công ty chứng khoán; Vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ, giải quyết các vấn đề liên quan về quản lý tài chính, phân tích tài chính.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thanh Phương, *Giáo trình Thị trường chứng khoán*, NXB Tân Việt, 2020.

[2] Nguyễn Thị Minh Huệ, *Giáo trình phân tích đầu tư chứng khoán*, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân, 2019.

[3] Matthew R.Kratter, *A Beginner's Guide to the Stock Market*, Independently published, 2019.

3.58. Kinh tế số (66193)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi học hoàn thành phần này, người học có cái nhìn tổng quan về triển vọng kinh tế Internet, chính sách phát triển và dữ liệu trong nền kinh tế số ở cung và cầu, phân tích cơ hội cũng như thách thức của kinh tế số đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam, từ đó có những định hướng cũng như chính sách phát triển, đổi mới cho nền kinh tế cũng như doanh nghiệp.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Trần Thị Ái Cẩm, *Giáo trình Kinh tế số*, NXB Xây Dựng, 2020.

[2] Diane Coyle (Người dịch: Dương Hải Hà, Lê Minh Toàn), *Kinh tế kỹ nguyên số thách thức và cơ hội*, NXB Chính trị QG Sự thật, 2020.

[3] Nguyễn Văn Thảo, Nguyễn Mạnh Hùng, *Phát triển kinh tế số ở Việt Nam*, NXB Chính trị QG Sự thật, 2024.

3.59. Khởi nghiệp kinh doanh (67393)

- Số tín chỉ: 3 (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học, Marketing căn bản.

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu được tổng quan về khởi nghiệp kinh doanh, nhận diện được ý tưởng, cơ hội kinh doanh; Biết cách soạn

thảo và triển khai kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Phân tích môi trường và nhận diện được cơ hội kinh doanh; Phân tích được những yếu tố cốt lõi làm nên thành công của doanh nhân; Lập được kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh; Tư duy và biết cách vận dụng, liên kết các kiến thức chuyên ngành thành thạo; Giao tiếp, thuyết trình, đối thoại, làm việc nhóm. Người học phát huy tính khách quan trong việc đánh giá kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể tự nghiên cứu, mở rộng kiến thức.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Ngọc Huyền, *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2020.

[2] Dương Công Doanh, *Giáo trình Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2023.

3.60. Quản lý nhà nước về kinh tế (66233)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Kinh tế vĩ mô 1 (66033)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học sẽ đạt được những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước trong hoạt động kinh tế. Tổng hợp kiến thức liên ngành kinh tế học để giải quyết các vấn đề kinh tế. Đối tượng, phạm vi, nội dung của quản lý nhà nước, các phương thức, công cụ trong quản lý nhà nước về kinh tế; các vấn đề có liên quan đến quản lý kinh tế đối ngoại, trong quản lý doanh nghiệp, ... Từ đó có thể ứng dụng vào thực tế công tác của họ và tham mưu cho lãnh đạo trong công tác quản lý kinh tế. Người học đạt được kiến thức về hình thành kỹ năng trình bày và thuyết phục khi giải quyết vấn đề trong kinh tế dưới góc độ quản lý của nhà nước.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Thị Kim Phụng, *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB Trường Đại học Quảng Bình, 2019.

[2] Đỗ Hoàng Toàn, *Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2019.

3.61. Tài chính quốc tế (69132)

- Số tín chỉ: 3 TC (28, 4, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học biết được những nội dung cơ bản về tài chính quốc tế như: Vai trò, chức năng và hoạt động của các thị trường tài chính quốc tế, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng thời điểm nhất định, các giai đoạn của chu kỳ kinh tế và sự ảnh hưởng của nó đến nền kinh tế Việt Nam; Vận dụng kiến thức trên để hỗ trợ giải quyết các vấn đề chuyên môn trong phân tích, thẩm định về tài chính, tín dụng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Văn Tiến (Chủ biên), *Giáo trình Tài chính quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội, 2023.

[2] Keith Pilbeam, *International Finance*, Bloomsbury Academic, 2023.

3.62. Quản trị dự án (67293)

- Số tín chỉ: 3 (42, 6, 0, 0, 0)

- Học phần học trước: Quản trị học (67003).

- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học hiểu được các lý thuyết và kiến thức cốt lõi trong quản trị dự án; Biết cách chọn lựa dự án mang lại lợi ích cao; Biết cách tổ chức cơ cấu bộ máy, nắm được các yêu cầu đối với giám đốc dự án, nguyên tắc lãnh đạo và xây dựng đội ngũ dự án; Biết cách lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ và xem xét phân bổ nguồn lực thực hiện dự án; Biết cách thức kiểm soát dự án, quản trị rủi ro và hợp đồng dự án, hiểu được việc kết thúc một cách thành công dự án. Vận dụng các phương pháp, công cụ để tìm kiếm thông tin và phát hiện cơ hội đầu tư; Vận dụng các kỹ thuật, công cụ để lập kế hoạch một dự án đầu tư; Vận dụng các kiến thức về quản trị dự án đầu tư để đưa dự án đi vào thực tế công việc và cuộc sống. Suy nghĩ độc lập, tham gia làm việc nhóm và có thể trình bày trước đám đông các quan điểm của mình; Có tinh thần trách nhiệm, cam kết thực hiện mục tiêu chung với chất lượng cao nhất có thể, có tinh thần kỷ luật và tự giác đối với công việc và phát triển bản thân; Tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư và các kiến thức có liên quan.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Đinh Bá Hùng Anh, *Quản trị dự án*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2022.

[2] Đinh Văn Hải và Trần Phương Anh, *Giáo trình Quản lý dự án*, NXB Tài chính, 2019.

3.63. Chuyên đề cuối khóa (Kinh tế) (66274)

- Số tín chỉ: 4 TC (0, 0, 0, 180, 0)

- Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên hoàn thành ít nhất 75% số tín chỉ tối thiểu trong chương trình đào tạo.

- Mô tả:

Người học sẽ hệ thống và hiểu sâu các kiến thức đã học; biết vận dụng lý thuyết đã học để phát hiện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

Các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đơn vị thực tập.

3.64. Quản trị chiến lược (67213)

- Số tín chỉ: 3 (42, 6, 0, 0, 0)
- Học phần học trước: Quản trị học (67003)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần này, người học hiểu được khái niệm về quản trị chiến lược và cách ứng dụng quản trị chiến lược trong tổ chức kinh doanh; Mô tả được các định nghĩa và thuật ngữ khác nhau được sử dụng trong quản trị chiến lược; Giải thích quá trình phân tích môi trường bên ngoài và bên trong của tổ chức; Biết lựa chọn, xây dựng, thực thi và kiểm tra chiến lược. Áp dụng phân tích các ma trận để xây dựng và phát triển các chiến lược; Áp dụng phân tích đánh giá chiến lược trên các nghiên cứu trường hợp thực tế; Áp dụng các công cụ phân tích khác nhau để đánh giá năng lực cạnh tranh của tổ chức và ra quyết định chiến lược. Có nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc hoạch định chiến lược; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và có khả năng sáng tạo trong công việc.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Fred David, *Quản trị chiến lược - Khái luận & các tình huống (bản tiếng Việt)*, NXB Kinh tế TP. HCM, 2020.

[2] Hà Sơn Tùng và Ngô Kim Thanh, *Giáo trình Quản trị chiến lược*, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022.

3.65. Dự báo kinh tế - tài chính (66243)

- Số tín chỉ: 3 TC (42, 6, 0, 0, 0)
- Mô tả:

Sau khi hoàn thành học phần Dự báo kinh tế - tài chính, người học biết được các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội bao gồm việc phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập nhằm lựa chọn phương pháp dự báo phù hợp; Biết các phương pháp dự báo căn bản sử dụng trong việc phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội, làm cơ sở để ra quyết định trong kinh doanh; Vận dụng được lý thuyết để phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội; Sử dụng thành thạo các phần mềm trên máy tính hỗ trợ việc xử lý dữ liệu (Excel, Eview, ...); Có khả năng tự học, khách quan trong việc tính toán, ước lượng, dự báo kinh tế.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Nguyễn Trọng Đoàn, *Dự báo và phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính*, NXB Thống kê, 2021.

[2] Nguyễn Văn Huân, Phạm Việt Bình, *Giáo trình Phân tích và dự báo kinh tế*, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2019.

[3] Nicholas Carnot, Vincent Koen, Bruno Tissot, *Dự báo và chính sách kinh tế*, NXB Khoa học Xã hội, 2024.

3.66. Khóa luận cuối khóa (Kinh tế) (66267)

- Số tín chỉ: 7 TC (0, 0, 0, 0, 420)

- Điều kiện tiên quyết:

Sinh viên hoàn tất ít nhất 75% số tín chỉ tối thiểu trong chương trình đào tạo và đạt điểm trung bình chung tích lũy từ loại khá trở lên tính đến thời điểm xét làm khóa luận cuối khóa.

- Mô tả:

Người học sẽ hệ thống và hiểu sâu các kiến thức đã học; biết vận dụng lý thuyết đã học để phát hiện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tiễn liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

- Tài liệu tham khảo chính:

Các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu và đơn vị thực tập.

3.67. Các học phần điều kiện ngoại ngữ

a) General English 1 (08004)

- Số tín chỉ: 4 TC (60, 0, 0, 0, 0)

- Mô tả:

Học phần General English 1 là học phần điều kiện;

Sau khi hoàn thành học phần General English 1, người học hiểu được kiến thức về giới từ chỉ sự chuyển động và vị trí, danh từ ghép và tính từ miêu tả, kiến thức về cách dùng “some, any, much, many, a lot of, a little, a few”, mạo từ “a, an, the”, cách sử dụng so sánh hơn, so sánh nhất, và so sánh bằng, cách dùng “too, enough” và thi hiện tại hoàn thành. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua chủ đề liên quan đến miêu tả cảnh quan ở thành thị và nông thôn, các loại phim ảnh và chương trình Ti Vi và mua sắm, và phát triển kỹ năng viết một blog miêu tả về kỳ nghỉ, viết lời phê bình về một bộ phim và viết một lá thư trang trọng.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

[2] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

b) General English 2 (08012)

- Số tín chỉ: 2 TC (30, 0, 0, 0, 0)

- Học phần tiên quyết: General English 1(08004)

- Mô tả:

Học phần General English 2 là học phần điều kiện (Hệ thống TGUIIS có bổ sung ký hiệu D (08012D).

Sau khi hoàn thành học phần General English 2, người học hiểu được các kiến thức về chủ đề công nghệ và văn hoá vòng quanh thế giới bằng từ vựng được cung cấp trong hệ thống bài học, kiến thức về cấu trúc ngữ pháp liên quan diễn đạt sự phỏng đoán, lời hứa, đề nghị, hoặc quyết định, cách dùng của động từ khiếm khuyết. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện phát triển kỹ năng nghe, nói và đọc tiếng Anh qua các chủ đề liên quan các thiết bị kỹ thuật và đọc hiểu bài báo về lĩnh vực văn hoá truyền thống quốc tế, và phát triển kỹ năng viết một tin nhắn hướng dẫn thao tác một thiết bị công nghệ hoặc trả lời thư mời.

- Tài liệu tham khảo chính:

[1] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Student's Book 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

[2] Tim Falla, Paula Davies, *Solutions Pre-Intermediate Workbook 2nd Edition*, Oxford University Press, 2012.

4. Sơ đồ đào tạo toàn khóa học

Phụ lục I - Sơ đồ đào tạo

5. Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phụ lục II - Ma trận đối sánh giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

6. Hình thức học tập và phương pháp giảng dạy

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Giảng lý thuyết (LT)	Nghe giảng lý thuyết; nghe giảng phương pháp thực hành, nghe hướng dẫn thực hành, viết tiểu luận, viết khóa luận, làm đồ án ở lớp học (phòng học lý thuyết). Nghe thuyết trình, thảo luận chuyên đề (thay cho nghe GV giảng lý thuyết)	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Giảng bài - Câu hỏi gợi ý
	Thảo luận (sau khi nghe giảng lý thuyết), giải bài tập, thực hành được tổ chức cùng loại hình lý thuyết ở lớp học lý thuyết, có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Tranh luận - Thảo luận - Giải quyết vấn đề - Học tập nhóm - Tương tác, phản hồi
Thực hành (TH)	Người học thao tác thực hành ở lớp, phòng thực hành, sân bãi; thực hành ở phòng máy, phòng thí nghiệm, xưởng trường, cơ sở thực hành, sân bãi, tập giảng ở lớp có GV hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập kỹ năng - Thực hành - Làm việc nhóm
Thực tập (TT)	Tự thực hành, thí nghiệm (không có GV hướng dẫn); kiến tập, thực tập ở cơ sở bên ngoài hay xưởng trong trường	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tế

Loại tín chỉ	Hình thức học tập	Phương pháp giảng dạy
Đồ án (ĐA)	Thực hiện đồ án, tiểu luận, khóa luận, nghiên cứu tài liệu có viết báo cáo. Bao gồm cả tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn	- Tiểu luận - Khóa luận
Tự học - tự nghiên cứu (ĐA)	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn và đánh giá.	- Nghiên cứu tài liệu - Nghiên cứu tình huống

7. Phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-ĐHTG ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang và các quy định hiện hành.

7.3. Phương pháp đánh giá

Ma trận thể hiện quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

STT	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra		
		Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
I	Đánh giá quá trình			
1	Chuyên cần			x
2	Thảo luận - thuyết trình		x	x
3	Làm việc nhóm		x	x
4	Kiểm tra thường xuyên	x		
5	Kiểm tra giữa học phần	x		
6	Thực hành		x	x
II	Đánh giá cuối kỳ			
1	Thi kết thúc học phần (trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp)	x	x	
2	Viết tiểu luận	x	x	x
3	Viết và trình bày báo cáo Chuyên đề cuối khóa/khóa luận cuối khóa	x	x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT.

8. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

STT	Tên các cơ sở thực hành thực tập	Địa chỉ
1	Cty TNHH Xây dựng Thế Anh	Áp Long Bình, Xã Long An, Đồng Tháp
2	Ngân hàng Eximbank - CN TG	Số 1A, P. Mỹ Tho, Đồng Tháp
3	Cty TNHH Trọng Hưng	Số 118, Học Lạc, P. Mỹ Tho, Đồng Tháp
4	Cty TNHH TMDV Ánh Dương	Áp Mỹ Hạnh, P. Mỹ Phong, Đồng Tháp
5	DNTN Hồng Phương	Số 125, Nguyễn Thị Thập, P. Mỹ Tho, Đồng Tháp
6	Trung tâm KD VNPT TG	Số 1, Lê Lợi, P. Mỹ Tho, Đồng Tháp
7	Cty TNHH XD Nguyễn Văn Sữa	Số 29/8C, Lê Thị Hồng Gấm, P.Thới Sơn, Đồng Tháp
8	Cty TNHH Thương mại Mom and Baby Mai Thy	Xã Long Định, Đồng Tháp
9	Cty CP May Tiền Tiến	Khu B, QL 50, P. Đạo Thạnh, Đồng Tháp
10	Ngân hàng PVcombank - CN TG	Số 72 Nguyễn Trãi, P.Mỹ Tho, Đồng Tháp
11	Ngân hàng Đông Á - CN TG	KP Trung Lương, P.Đạo Thạnh, Đồng Tháp
12	Ngân hàng HDBank - CN TG	Số 262, Áp Bắc, P.Đạo Thạnh, Đồng Tháp
13	Tổ chức tài chính vi mô CEP - CN Châu Thành	Áp Bình Thới A, Xã Đông Hòa, Đồng Tháp
14	Cty CP Bao bì Tiền Giang	Phường Trung An, Đồng Tháp
15	Cty TNHH MTV Betong TICCO	Lô 1-6, KCN Mỹ Tho, P. Trung An, Đồng Tháp
16	Ngân hàng Sacombank - CN TG	Số 6 Đinh Bộ Lĩnh, Phường Mỹ Tho, Đồng Tháp
17	Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Tháp	Số 38 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Mỹ Tho, Đồng Tháp
18	Cty TNHH An Việt KTY	Số 252, QL 50, P. Đạo Thạnh, Đồng Tháp
19	Cty CP Du lịch Tiền Giang	Số 63, Trung Trắc, P.Mỹ Tho, Đồng Tháp
20	Cty TNHH đầu tư và xây dựng Tấn Phát	Số 7/31, Áp 2, P. Trung An, Đồng Tháp

8.2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng của Trường:

- Tổng diện tích đất của trường: 226.882,5 m²

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 12,34 m²/sinh viên (hiện nay tổng diện tích sàn XD: 76.592,515 m²/6201 sinh viên)

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	113	11.744
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	6	1.731
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	954
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	31	3.715
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	49	3.971
1.5	Số phòng học đa phương tiện	2	288
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	19	1.085
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	4.241
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	51	6.873
Tổng		165	22.858

b) Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thiết bị thực hành đối với ngành Kinh tế:

STT	Loại phòng học (Phòng thí nghiệm)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng máy tính	2	150	Máy vi tính	100	Kỹ năng số / Kinh tế lượng / Kỹ thuật xây dựng văn bản / PPNC định lượng trong kinh tế

8.3. Danh sách giảng viên và nhân viên hỗ trợ

a) Danh sách giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy chương trình ngành Kinh tế

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Phạm Văn Ôn	Giảng viên	Tiến sĩ	Kinh tế
2	Ngô Thanh Phong	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế
3	Trần Quang Khôi	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp
4	Nguyễn Ngọc Khánh	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế học
5	Trần Thị Hoài Thu	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển
6	Phan Thị Thanh Thúy	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng
7	Võ Thị Thủy Vãn	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp
8	Nguyễn Kim Thảo	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học bộ môn tiếng Anh
9	Phùng Thụy Nguyệt Quế	Giảng viên	Thạc sĩ	Lý luận và PP dạy học bộ môn tiếng Anh
10	Dương Văn Hiếu	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
11	Lê Thị Sơn	Giảng viên	Tiến sĩ	Triết học
12	Hồ Công Xuân Vũ Ý	Giảng viên	Thạc sĩ	Toán học
13	Nguyễn Thị Thảo	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Triết học
14	Nguyễn Thanh Nhã	Giảng viên	Thạc sĩ	Toán giải tích
15	Trần Thị Diễm Trang	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
16	Hồ Nguyễn Diễm Tiên	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản lý kinh doanh nông nghiệp
17	Nguyễn Minh Nhã	Giảng viên chính	Tiến sĩ	Kế toán
18	Lâm Thái Bảo Ngọc	Giảng viên	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
19	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
20	Đặng Thị Mỹ Dung	Giảng viên chính	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng
21	Lê Hoàng Ân	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
22	Nguyễn Võ Hữu Trí	Giảng viên	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất
23	Nguyễn Anh Tuấn	Giảng viên	Thạc sĩ	Kinh tế tài chính - Ngân hàng
24	Nguyễn Thị Khuyến	Giảng viên	Thạc sĩ	Luật hình sự
25	Trần Thị Bích Tuyền	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
26	Nguyễn Duy Tân	Giảng viên	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
27	Lê Thị Trúc Mai	Giảng viên	Thạc sĩ	Kế toán

b) Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Huỳnh Hồ Đa Thiện		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

c) Danh sách đội ngũ kỹ cố vấn học tập, quản lý phòng máy cơ hữu

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ	Chuyên ngành
1	Phạm Văn Thi	Chuyên viên	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế
2	Ngô Thị Loan	Chuyên viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính
3	Lê Anh Khoa	Chuyên viên	Thạc sĩ	Khoa học máy tính

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

9.1. Tổ chức thực hiện chương trình

- Đảm bảo tính hệ thống và kết hợp mềm dẻo giữa các học phần. Sơ đồ đào tạo là kế hoạch học tập tham khảo để sinh viên thực hiện, tùy vào sức học và kế hoạch cá nhân mà sinh viên có thể tự lập kế hoạch học tập khác phù hợp với kế hoạch và năng lực học tập của sinh viên và quy định đào tạo của Trường. Nhằm

định hướng ứng dụng nghề nghiệp, khi xây dựng từng học phần chú trọng đến rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và khả năng tự học của sinh viên. Khi lập kế hoạch đào tạo cần xây dựng sao cho khi thực hiện lý thuyết đi đôi với thực hành.

- Chương trình Giáo dục quốc phòng: Tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo Thông tư 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng và Cơ sở giáo dục đại học.

- Chương trình môn học tiếng Anh: Sinh viên phải đáp ứng chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ không chuyên ngữ đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ngành Giáo dục mầm non của Trường Đại học Tiền Giang ban hành tại Quyết định số 529/QĐ-ĐHTG ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tiền Giang.

9.2. Phương pháp giảng dạy

Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, kết hợp thực hành tại lớp, tổ chức tốt hoạt động học nhóm, tự thiết kế môi trường thực tập ngôn ngữ, thực tập giảng dạy ngôn ngữ, chú trọng rèn luyện khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

10. Thông tin cập nhật

10.1. Cơ sở phát triển chương trình

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 670/QĐ-ĐHTG ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Tiền Giang về việc ban hành Quy định chương trình đào tạo của Trường Đại học Tiền Giang;

- Quyết định số 467/QĐ-ĐHTG ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Thành lập HĐ Xây dựng quy định chuẩn năng lực số và nội dung năng lực số cập nhật vào CTĐT đại học và cao đẳng của Trường Đại học Tiền Giang;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 78/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng,

an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1504/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học;

- Kế hoạch số 924/KH-ĐHTG ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Trường Đại học Tiền Giang về việc Tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình dạy học áp dụng Khoá 25.

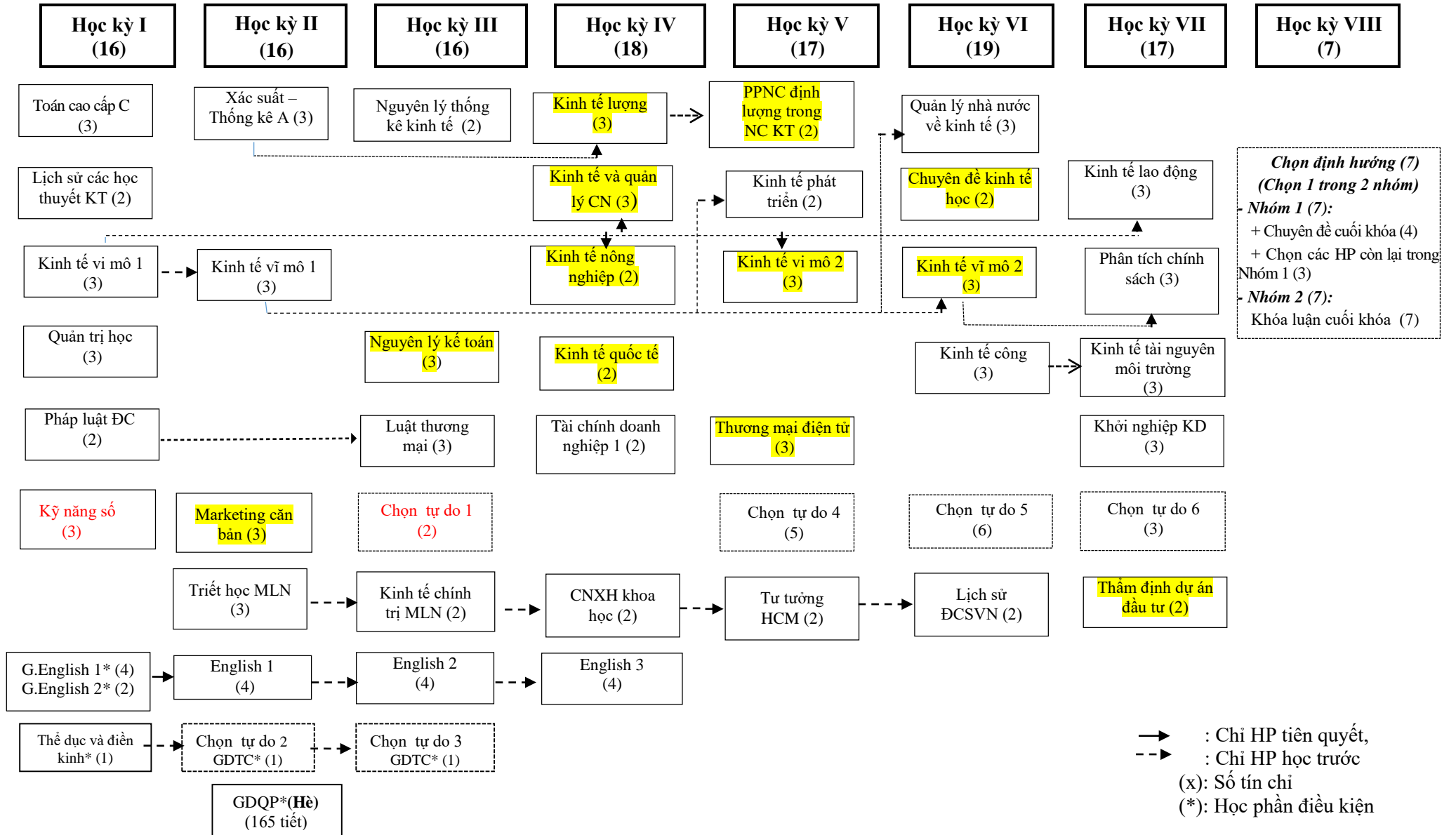
10.2. Thông tin kiểm định

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế trình độ đại học đã hoàn thành tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo./.

PHỤ LỤC I:

**SƠ ĐỒ ĐÀO TẠO TOÀN KHÓA HỌC
CTĐT ĐH KINH TẾ**

Phụ lục I: Sơ đồ đào tạo toàn khóa học CTĐT Đại học Kinh tế



PHỤ LỤC II:

**MA TRẬN ĐỐI SÁNH GIỮA
HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA
CỦA CTĐT**

HK	STT	MHP	Tên học phần	Kiến Thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
III	18	68782	Nguyên lý thống kê kinh tế		x	x		x					x		x
	19	68063	Nguyên lý kế toán		x	x		x					x		x
	20	71073	Luật thương mại	x	x			x							x
	21	73552	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội học	x							x			x	x
	22	15362	Kỹ năng giao tiếp	x							x			x	
	23	67052	Nghệ thuật lãnh đạo	x							x			x	x
	24	1202	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	x							x			x	x
	25	08034	English 2							x					
	26	12441	Bóng chuyền 2*	x											
	27	12461	Bóng rổ 2*	x											
	28	12481	Cầu lông 2*	x											
29	12281	Đá cầu 2*	x												
IV	30	66093	Kinh tế lượng	x	x					x	x				x
	31	66163	Kinh tế và quản lý công nghiệp			x		x						x	x
		66112	Kinh tế nông nghiệp		x	x		x							x
	33	66102	Kinh tế quốc tế		x	x						x		x	
	34	69102	Tài chính doanh nghiệp 1		x	x		x						x	x
	35	02112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x							x			x	x
	36	08044	English 3							x					

HK	STT	MHP	Tên học phần	Kiến Thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
V	37	66082	PPNC định lượng trong kinh tế	x		x		x						x	
	38	68232	Kinh tế phát triển			x		x					x		
	39	66023	Kinh tế vi mô 2			x		x						x	
	40	67343	Thương mại điện tử		x	x				x		x	x		x
	41	68013	Thuế		x	x		x		x			x		x
	42	69002	Lý thuyết tài chính - tiền tệ		x	x				x			x		x
	43	68113	Kế toán quản trị		x			x					x		x
	44	68412	Kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ		x			x					x		x
	45	66182	Tiếng Anh chuyên ngành			x			x				x		
	46	3212	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x							x				x
VI	47	66223	Quản lý nhà nước về kinh tế		x	x		x						x	
	48	66212	Chuyên đề kinh tế học			x		x					x	x	
	49	66053	Kinh tế vĩ mô 2			x					x		x		
	50	66073	Kinh tế công			x					x			x	
	51	68002	Thống kê doanh nghiệp		x			x					x		
	52	68023	Phân tích hoạt động kinh doanh		x	x	x	x				x	x		
	53	69043	Thanh toán quốc tế		x	x					x		x		x
	54	69112	Thị trường chứng khoán			x					x		x		x
	55	69132	Tài chính quốc tế		x	x					x		x		x
	56	66193	Kinh tế số		x	x					x		x		x
	57	3022	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x							x				x

HK	STT	MHP	Tên học phần	Kiến thức				Kỹ năng					Mức tự chủ và trách nhiệm		
				K01	K02	K03	K04	S01	S02	S03	S04	S05	A01	A02	A03
VII	58	66123	Kinh tế lao động		x	x				x			x		x
	59	66203	Phân tích chính sách				x			x				x	
	60	66173	Kinh tế tài nguyên và môi trường			x				x				x	
	61	67393	Khởi nghiệp kinh doanh				x				x	x	x		x
	62	67123	Quản trị nhân lực	x	x					x			x		x
	63	67293	Quản trị dự án		x		x				x	x	x		
VIII	64	69172	Thẩm định dự án đầu tư				x				x			x	
	65	66274	Chuyên đề cuối khóa			x		x						x	x
	66	66243	Dự báo kinh tế - tài chính		x	x		x							x
	67	67223	Quản trị chiến lược				x				x		x		x
	68	66267	Khóa luận cuối khóa			x	x	x						x	x

Ghi chú: dấu (x) thể hiện học phần có hỗ trợ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.